

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/DS-PT
Ngày 11-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán.

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị D, sinh năm: 1957. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm: 1960. Địa chỉ: A KA ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1956;

2.2. Bà Võ Thị V, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị D ủy quyền cho bà Trần Thị Hồng X trình bày:

Bà được bà Lê Thị D ủy quyền tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Võ Thị V, ông Phạm Văn N.

Vào ngày 10/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/01/2020 dương lịch) bà D có cho bà V, ông N vay số tiền số 350.000.000đồng để trả nợ ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng ra, khi cho vay thì có viết Biên nhận, cùng ngày viết biên nhận nêu trên thì bà D đã giao đầy đủ số tiền 350.000.000đồng cho ông N, bà V, giao tiền có mặt bà V và ông N, ngoài ra không có ai chứng kiến, số tiền này bà D cũng vay lại của người khác. Khi vay bà V, ông N có thỏa thuận nếu vay số tiền này trong vòng 10 ngày thì không phải trả lãi, nếu vay trong vòng 01 tháng thì bà V, ông N phải trả lãi 02%/tháng.

Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay phía bà V, ông N không trả tiền gốc 350.000.000đồng và khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn, vào ngày 23/6/2021 thì nguyên đơn có gửi giấy thông báo đòi nợ gốc và lãi tổng cộng là 645.000.000đồng, quy định thời hạn trả nợ hạn chót là 04/7/2021 nhưng bà V, ông N cũng không hoàn trả nợ cho đến hôm nay, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà V và ông N có trách nhiệm hoàn trả số nợ gốc 350.000.000đồng và tiền lãi 152.918.000đồng tính đến ngày 14/3/2022 và tiền lãi cho đến khi Tòa án xét xử.

Trước đây nguyên đơn cũng đã khởi kiện bà V, ông N yêu cầu hoàn trả số nợ 350.000.000đồng tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện.

Phía bị đơn trình bày chỉ ghi biên nhận mà không nhận tiền vay 350.000.000đồng là không hợp lý.

Tại phiên tòa bà X yêu cầu bà V và ông N có trách nhiệm hoàn trả số nợ gốc 350.000.000đồng và tiền lãi 92.078.000 đồng tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 25/8/2022.

Bị đơn bà Võ Thị V trình bày:

Trước đây bà Lê Thị D có điện thoại cho bà nói là có người có tiền cho vay, nhưng người đó không có ra mặt, mà bà D vay cho bà vay lại lãi suất 5%, bà D nói là lãi suất thấp, kêu bà vay đi rồi cho mấy người tới quán nhậu vay lại có lời. Bà D có yêu cầu bà đưa chồng bà ký vào biên nhận, bà và bà D có nói dối ông Nửa là 35.000.000đồng để ông N chịu ký. Rồi bà D đưa cái mẫu giấy vay tiền cho bà viết theo nội dung như biên nhận ngày 10 tháng chạp năm 2019 mà bà D cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên sau khi bà và ông N ký tên vào biên nhận

này thì bà D hẹn 03 ngày sau sẽ giao tiền nhưng sau đó bà D không đưa số tiền 350.000.000đồng cho bà, bà có yêu cầu bà D đưa tiền nhưng bà D cứ hẹn mà không đưa. Thấy lâu bà D không đưa tiền thì bà có điện thoại yêu cầu bà D đưa lại bản chính biên nhận tiền ngày 10/12/2019 âm lịch thì bà D không đưa mà nói để đó đi khi nào đưa tiền thì bà D có biên nhận đưa cho người cho vay. Cuối cùng bà D không có đưa tiền vay cho bà, sau đó đi khởi kiện bà rồi rút đơn, đến năm 2022 tiếp tục khởi kiện.

Bà không nhận số tiền vay 350.000.000đồng theo biên nhận tiền ngày 10/12/2019 âm lịch nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện như người đại diện cho bà D trình bày nêu trên. Từ trước đến nay bà cũng không có quan hệ vay tiền với bà D, do bà D biết bà làm ở quán N3 cho vay tiền lãi suất 10% nên bữa đó bà D mới nói là có người cho vay bạc rẻ kêu bà vay. Lúc đó có vợ chồng bà và bà D, không có ai chứng kiến.

Bị đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Ông là chồng bà Võ Thị V, hiện hôn nhân vẫn còn tồn tại. Ngày 10/12/2019 âm lịch tại nhà bà D, bà D có nói là bà D cho vợ ông vay tiền, mà bà D nói là người vay giấu mặt, đưa tiền cho bà D để cho vay lại, ông có hỏi là vay bao nhiêu, bà D nói là 35.000.000đồng, ông còn nói là vay có 35.000.000đồng mà bắt ký tên này kia, bà D nói rằng ông phải ký thì người cho vay tiền mới đưa tiền cho bà D cho vay, lúc đó ông ký chữ “nữ”, còn tên là do cháu ngoại bà D ghi, cháu bà D khoảng 12 tuổi tên gì ông không biết. Sau khi ký xong thì ông và bà V đi về, không có lấy tiền, bà D nói về đi mai lên lấy, sau đó ông nghe bà V nói là chưa đưa tiền, ông còn nói bà V lên gặp bà D lấy giấy vay về. Ông không biết chữ nên không có đọc biên nhận, chỉ nghe là vay 35.000.000đồng, sau này bà D khởi kiện, Tòa án mời thì ông mới biết là biên nhận 350.000.000đồng. Bà D làm nghề thợ nấu nên không thể nào có số tiền 350.000.000đồng để cho vợ chồng ông vay. Lúc làm giấy vay tiền chỉ có vợ chồng ông và bà D, không có ai chứng kiến.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Võ Thị V, ông Phạm Văn N.

Buộc bà Võ Thị V, ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền 441.991.664đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, chín trăm

chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng, gồm 350.000.000đồng tiền gốc và 91.991.664đồng tiền lãi tính đến ngày 25/8/2022).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 07/9/2022 bị đơn bà Võ Thị V kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V và ông N cho rằng hoàn toàn không có nhận tiền của bà D đưa nên không đồng ý trả. Còn bà Trần Thị Hồng X là người đại diện theo ủy quyền cho bà D cung cấp thêm chứng cứ là bà V và ông N có nhận tiền từ bà D để cho con trả nợ Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và sau đó chuyển nhượng đất cho người khác theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/02/2020 giữa Phạm Thị Thu K với Trần Thị Ngọc H, lời khai của các nhân chứng bà Võ Thị N1, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Thị V1 và Lê Thị H1 có biết việc bà V nói chuyện với bà L về số tiền 350.000.000đồng mượn của bà D và các chứng cứ như bà V còn nợ nhiều người khác chứ bà V nói trước tới giờ bà không nợ ai là không đúng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn N và bà Võ Thị V xác nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 10/12/2019 âm lịch (ngày 04/01/2020 dương lịch). Tuy nhiên sau khi ký tên vào biên nhận thì bà D hẹn 03 ngày sau sẽ giao tiền nhưng đến nay bà D vẫn chưa giao số tiền 350.000.000đồng.

Xét thấy việc ông N, bà V trình bày chưa nhận số tiền 350.000.000đồng nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 10/12/2019 âm lịch (ngày 04/01/2020 dương lịch) ...*vợ chồng tôi có nhận của bà Lê Thị D 350.000.000. Ba trăm năm mươi triệu đồng...*, có cơ sở xác định ông N, bà V có mượn của bà D 350.000.000đồng.

Tại biên nhận nợ không ghi lãi suất, bà D cho rằng thoả thuận lãi suất 2%/tháng, bà V trình bày lãi suất vay 5%/tháng. Do các bên xác định có thoả thuận lãi suất nhưng không xác định được lãi suất là bao nhiêu nên căn cứ

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định lãi suất không quá 10%/tháng (0.83%/năm).

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông N, bà V liên đới trả cho bà D số tiền 350.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi là chưa đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Về thời điểm tính lãi và mức lãi suất, tại Biên nhận ngày 10/12/2019 âm lịch không thể hiện thời hạn trả nợ, cũng không thể hiện mức lãi suất bên vay phải trả. Trong trường hợp này, thời điểm tính lãi được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự (*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...*) Như vậy, thời điểm tính lãi được tính kể từ ngày phát sinh tranh chấp là ngày hòa giải ở cơ sở (ngày 17/01/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2022) và mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83%/tháng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 469 tính lãi, theo đó buộc bà V, ông N trả tiền lãi tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 17/01/2022 (số tiền 70.978.833 đồng) và từ ngày 18/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 25/8/2022 (số tiền 21.012.831 đồng) là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bà V và ông N.

Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà V. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị V kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bà Võ Thị V yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị V, ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 350.000.000đồng và tiền lãi 91.991.664đồng tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 25/8/2022. Bà Võ Thị V không đồng ý nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo bà Trần Thị Hồng X là người đại diện theo ủy quyền của bà D trình bày vào ngày 10/12/2019 âm lịch thì bà D có cho bà V, ông N vay số tiền số 350.000.000đồng để trả nợ ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng ra, cùng ngày viết biên nhận nêu trên bà D đã giao đầy đủ số tiền 350.000.000đồng,

khi giao tiền có mặt bà V và ông N. Bà V, ông N cũng thừa nhận có ký tên vào giấy tay; bà V, ông N trình bày không có nhận tiền; ông N trình bày do bà V nói là chỉ vay 35.000.000đồng, tuy nhiên ông N có ký tên vào Biên nhận. Bà V trình bày ký tên trước rồi hẹn 03 ngày sau sẽ giao tiền nhưng sau đó bà D không đưa số tiền 350.000.000đồng cho bà, bà đòi tiền mà bà D hẹn lần hẹn lữa. Thấy lâu bà D không đưa tiền thì bà có điện thoại yêu cầu bà D đưa lại bản chính biên nhận tiền ngày 10/12/2019 âm lịch thì bà D không đưa mà nói để đó đi khi nào đưa tiền thì bà D có biên nhận đưa cho người cho vay. Cuối cùng bà D không có đưa tiền vay cho bà, sau đó đi khởi kiện bà, rồi rút đơn, đến năm 2022 bà D khởi kiện tiếp. Tuy nhiên ngoài lời trình bày thì bà V, ông N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh và trong Biên nhận cũng không thể hiện nội dung: giao tiền sau 03 ngày ký giấy nợ. Việc ông N, bà V ký tên vào Biên nhận là tự nguyện, không bị ai ép buộc và phải chịu trách nhiệm với nội dung mình ký. Do đó cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy tay “Biên nhận” ngày 10/12/2019 âm lịch (ngày 04/01/2020 dương lịch) có xác định bà V, ông N có vay của bà D số tiền 350.000.000đồng và buộc trả số tiền trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, về số tiền lãi mà bà D yêu cầu nhưng cấp sơ thẩm tính lãi không chính xác, Kiểm sát viên phân tích và đề nghị nên căn sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về cách tính lãi như sau: Tại biên nhận nợ không ghi lãi suất và thời điểm tính lãi suất, nên áp dụng theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp. Về thời điểm tính lãi từ ngày phát sinh tranh chấp, hòa giải cơ sở từ ngày 18/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/8/2022.

[3.3]. Lời đề nghị của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị V. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[3.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Võ Thị V không phải chịu.

[3.5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị V.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Võ Thị V, ông Phạm Văn N.

2. Buộc bà Võ Thị V, ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền vay còn nợ gốc là: 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là: 21.109.666đồng (Hai mươi một triệu một trăm lẻ chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng cộng vốn lãi là: 371.109.666 đồng (Ba trăm bảy mươi một triệu một trăm lẻ chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Về án phí: Các đương sự không phải nộp do là người cao tuổi được miễn theo quy định của Chính phủ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữ